TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hương G sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ C, đường D, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số E, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Lê Thị Hương G trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hương G và anh Nguyễn Doãn T quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng gần một năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng giữa năm 2019 mà không đăng ký kết hôn nhưng hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Đến ngày 05/3/2020, anh chị mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Theo chị G, vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau khi đăng ký kết hôn được khoảng bốn tháng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh T luôn ghen tuông "vô cớ" rồi có những lời lẽ xúc phạm nặng nề đối với chị G và cha mẹ chị G. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 11/2021, chị G đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vì muốn cho anh T cơ hội để thay đổi nên chị G đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Mặc dù, vợ chồng có về chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn thường xuyên tiếp diễn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Từ ngày 31/8/2022, chị G đã về nhà cha mẹ đẻ sống cho đến nay, vợ chồng có liên lạc với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung.

Nay chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và khả năng đoàn tụ không có vì vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Doãn T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/3/2020, hiện con chung đang sống với chị G. Theo đơn khởi kiện ban đầu, chị G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 19/12/2022 chị G có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Hương G khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Hương G khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai ngày 28 tháng 12 năm 2022, bị đơn - anh Nguyễn Doãn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Doãn T thừa nhận anh và chị Lê Thị Hương G quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2020 như chị G trình bày là đúng.

Theo anh T, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng một năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị G có biểu hiện không chung thủy nhưng anh T không cung cấp được

chứng cứ chứng minh. Mặt khác, gia đình chị G không tôn trọng anh T và nhiều lần vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn thì mẹ của chị G luôn "xúi giục" chị G nộp đơn ly hôn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 11/2021, chị G đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vợ chồng đã hòa giải và quay về đoàn tụ, tuy nhiên tính tình chị G vẫn không thay đổi nên vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 31/8/2022 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau (chị G về nhà bố mẹ đẻ sống), vợ chồng không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh T đã tìm gặp chị G để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị G không đồng ý. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn vì anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị G, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/3/2020 và hiện con chung đang sống với chị G.

Đặt giả thiết Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh T đồng ý giao con chung cho chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Doãn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 30/12/2022 anh T có "Đơn trình bày ý kiến" về việc xin được rút lại toàn bộ lời khai trên và không đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, ý kiến của anh T tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2023 ghi nhận việc anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh T khai tự thỏa thuận; không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù đồng ý với toàn bộ nội dung trên nhưng anh T không ký tên vào biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Hương G và anh Nguyễn Doãn T được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/3/2020 cho chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Hương G và anh Nguyễn Doãn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2020, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Ngày 15/11/2021, chị G đã nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng chị G đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022 để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, cả chị G và anh T đều thừa nhận vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ ngày 31/8/2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; lời khai này phù hợp với lời khai của anh T có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh ngày 21/12/2022 tại Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai:*"... ban ấp không thấy vợ chồng anh T sống chung với nhau ..."*. Xét mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn: Anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị G và anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T cũng khẳng định không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị G. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị G đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh T. Do đó, yêu cầu của anh T là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị G và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/3/2020.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hiện con chung đang sống với chị G và chị G đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của bị đơn: Hiện anh T không trực tiếp nuôi con, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập để đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T không có cơ sở xem xét và không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị G hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị G không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị G và anh T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Lê Thị Hương G.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Hương G và anh Nguyễn Doãn T được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/3/2020 cho chị Lê Thị Hương G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Doãn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Hương G không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Hương G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009015 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Lê Thị Hương G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã B, huyện T;
  (GCNKH số 14/2020)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang